

SỰ CHUYỂN BIẾN CỦA PHẬT GIÁO NAM TÔNG KHMER Ở TÂY NAM BỘ HIỆN NAY

Tóm tắt: Đa số người Khmer ở Việt Nam theo Phật giáo Nam tông, sống tập trung chủ yếu ở các tỉnh Nam Bộ¹. Phật giáo Nam tông là tôn giáo gắn bó mật thiết với dân tộc Khmer, trở thành tôn giáo của dân tộc Khmer ở Nam Bộ Việt Nam. Tuy nhiên, từ khi bước vào thời kỳ đổi mới đất nước (1986) đến nay, những thay đổi về đời sống kinh tế-xã hội, chuyển sang phát triển nền kinh tế thị trường, dưới tác động của toàn cầu hóa, của cuộc cách mạng khoa học công nghệ, cũng như chính sách tôn giáo đổi mới của Đảng và Nhà nước, Phật giáo Nam tông Khmer đang có sự chuyển biến khá nhanh, diễn ra trên nhiều phương diện, từ truyền thống tu tập, đội ngũ chức sắc, sự chuyển đạo, đến vị thế, vai trò của hệ phái trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Bài viết này trình bày sự chuyển biến trong sinh hoạt tôn giáo truyền thống, đội ngũ chức sắc, nhà tu hành, sự chuyển đổi đức tin tôn giáo của một bộ phận người Khmer theo Phật giáo Nam tông tại các tỉnh vùng Tây Nam Bộ trong những năm gần đây.

Từ khóa: Chuyển biến; Phật giáo Nam tông; người Khmer; Tây Nam Bộ.

1. Khái quát về Phật giáo Nam tông Khmer ở vùng Tây Nam Bộ

Người Khmer là một trong những tộc người có mặt sớm tại vùng đất Nam Bộ, họ là hậu duệ của những chủ nhân của nền văn hóa Óc Eo, quốc gia Phù Nam cổ đại. Những nghiên cứu gần đây cho thấy, người Khmer từ vùng Biển Hồ (Lục Chân Lạp) di cư xuống vùng đất Nam Bộ từ thế kỷ VIII. Sau khi vương quốc Phù Nam tan rã, người

* Viện Tôn giáo và Tín ngưỡng, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
Ngày nhận bài 18/10/2021; Ngày biên tập: 19/3/2022; Duyệt đăng: 12/7/2022.

Khmer tiếp tục di cư xuống đất Nam Bộ, hợp huyết với người bản địa trở thành người Khmer Nam Bộ có nhiều điểm khác biệt với người Khmer Campuchia. Quá trình di cư hình thành tộc người Khmer gắn liền với quá trình du nhập và phát triển Phật giáo Nam tông Khmer ở vùng đất Tây Nam Bộ Việt Nam.

Theo số liệu tổng điều tra dân số và nhà ở năm 1999, dân số Khmer có 1.055.174 người, trong đó có 1.038.876 người, chiếm 98,39% người Khmer trong cả nước ở các tỉnh Tây Nam Bộ². Năm 2009, cả nước có 1.260.640 người Khmer, 452 chùa, trong đó có 1.183.476 người Khmer ở Tây Nam Bộ, với 445 chùa³. Năm 2019, dân số người Khmer có 1.319.652 người, chiếm 1,371% dân số, đứng thứ 5 trong 53 dân tộc thiểu số ở Việt Nam⁴, trong đó, 1.206.059 người theo Phật giáo Nam tông, chiếm tới 91,39% người Khmer, riêng tại các tỉnh Tây Nam Bộ có 1.141.241 người, chiếm tới 86,48% người Khmer trong cả nước, tập trung chủ yếu ở 9/13 tỉnh, thành phố⁵.

Bảng thống kê tín đồ Phật giáo Nam tông Khmer⁶

TT	Tỉnh, thành	Dân số chung (người)	Dân số Khmer			
			Người Khmer	Tỷ lệ % DS chung	Phật tử Khmer	Tỷ lệ % DS Khmer
01	Sóc Trăng	1.199.653	362.029	30,17%	362.029	100%
02	Trà Vinh	1.009.168	318.231	31,53%	317.203	99,67%
03	Kiên Giang	1.723.067	211.282	12,26%	210.899	99,81%
04	An Giang	1.908.352	75.878	4,75%	75.878	100%
05	Bạc Liêu	907.236	73.968	8,15%	68.677	92,84%
06	Cà Mau	1.194.476	26.110	2,18%	25.056	95,96%
07	Hậu Giang	733.017	18.467	2,51%	18.467	100%
08	Vĩnh Long	1.022.791	22.630	2,21%	22.630	100%
09	Cần Thơ	1.235.171	19.683	1,59%	19.683	100%
10	Long An	1.688.547	9.980	0,59%	9.980	100%
11	Tiền Giang	1.764.185	1.269	0,07%	1.269	100%
12	Đồng Tháp	1.599.504	713	0,04%	713	100%
13	Bến Tre	1.288.463	1.001	0,07%	1.001	100%
Cộng (I)		17.273.630	1.141.241	6,60%	1.133.483	99,32%
14	TP Hồ Chí Minh	8.993.082	50.422	0,56%	24.268	48,12%
15	Bình Phước	994.679	19.315	1,94%	17.159	88,83%
16	Bình Dương	2.426.561	65.233	2,68%	15.435	23,66%

17	Tây Ninh	1.169.165	9.932	0,84%	7.158	72,07%
18	Đồng Nai	3.097.107	23.560	0,76%	4.572	19,40%
19	Bà Rịa - Vũng Tàu	1.148.313	4.015	0,34%	3.984	99,22%
Cộng (II)		17.828.907	172.477		72.576	42,49%
20	Tây Nguyên	5.482.681	2.962	0,05%	Không xác định	Không xác định
21	Nam Trung Bộ	9.274.083	2.723	0,03%	-	-
22	Miền núi phía Bắc	12.532.866	655	0,02%	-	-
23	Đồng bằng Bắc Bộ	22.543.607	416	0,001%	-	-
24	Bắc Trung Bộ	10.913.210	370	0,003%	-	-
Cộng (III)		60.746.447	7.126	0,01%	-	-
Tổng cộng (I+II+III)		96.208.984	1.319.652	1,37%	1.206.059	91,39%

Bảng thống kê trên cho thấy, người Khmer tập trung chủ yếu ở khu vực Tây Nam Bộ (chiếm 86,48%), nhiều nhất là ở các tỉnh: Sóc Trăng (362 ngàn người), Trà Vinh (318 ngàn người), Kiên Giang (211 ngàn người), An Giang (75 ngàn người), Bạc Liêu (73 ngàn người), Cà Mau (26 ngàn người), Hậu Giang (18 ngàn người), Vĩnh Long (22 ngàn người), Cần Thơ (19 ngàn người). Tiếp đó là khu vực Đông Nam Bộ cũng chiếm một tỷ lệ đáng kể với 172 ngàn người, chiếm 13,06% người Khmer trong cả nước (tăng 43% so với năm 2009, chủ yếu là người di cư từ các tỉnh Tây Nam Bộ trong những năm gần đây), như Thành phố Hồ Chí Minh (50 ngàn người), Bình Phước (19 ngàn người), Bình Dương (65 ngàn người), Tây Ninh (9 ngàn người), Đồng Nai (23 ngàn người) và Bà Rịa-Vũng Tàu (4 ngàn người). Chỉ có 0,53% số người Khmer sống ở các khu vực khác, trong đó Tây Nguyên (hơn 2.900 người), Nam Trung Bộ (hơn 2.700 người).

Phật giáo Nam tông Khmer đã gắn bó bao đời nay với người Khmer, nhưng giờ đây đã có những chuyển biến. Số lượng người Khmer ở Tây Nam Bộ có xu hướng giảm (do di cư đến nơi khác), nhưng số lượng người tự nhận mình là tín đồ Phật giáo Nam tông Khmer lại có chiều hướng gia tăng. Theo thống kê của Ban Chỉ đạo

Tây Nam Bộ, năm 2015, khu vực Tây Nam Bộ có 1.197.935 người Khmer, trong đó có 1.052.895 người theo Phật giáo Nam tông, chiếm 87,9% người Khmer trong vùng, với 443 ngôi chùa, 201 Salatel, 7.827 sư sãi (gồm 66 hòa thượng, 102 thượng tọa, 1.584 đại đức, còn lại là Sadi), 5.701 thành viên ban quản trị chùa⁷.

Đến năm 2020, cả nước có 1.206.059 người theo Phật giáo Nam tông, chiếm 91,39% dân số người Khmer, với 7.036 sư sãi, 465 ngôi chùa, có mặt tại 63 tỉnh, thành phố trong cả nước. Riêng khu vực Tây Nam Bộ có 1.141.241 người theo Phật giáo Nam tông, chiếm 86,48% dân số người Khmer trong cả nước, trong đó có 1.133.483 người theo Phật giáo Nam tông, chiếm 99,32% dân số người Khmer trong khu vực, 6.807 sư sãi, 445 ngôi chùa. Như vậy, chỉ trong vòng 5 năm (2015-2020), số tín đồ Phật giáo Nam tông là người Khmer ở Tây Nam Bộ đã tăng lên 11,42% dân số. Nhưng sự chuyển biến lớn nhất của Phật giáo Nam tông Khmer lại diễn ra ở truyền thống tu tập, sư sãi và sự chuyển đổi đức tin tôn giáo của một bộ phận người Khmer.

2. Sự chuyển biến của Phật giáo Nam tông Khmer hiện nay

2.1. Sự thay đổi về quan niệm và truyền thống tu học của trẻ em nam người Khmer theo Phật giáo Nam tông

Theo truyền thống của người Khmer theo Phật giáo Nam tông, tất cả trẻ em trai khi đến tuổi (12 đến 19 tuổi) phải vào chùa tu tập một thời gian. Họ có thể tu theo ba hình thức: tu báo hiếu, tu trả lễ và tu suốt đời. Trong đó, tu báo hiếu (trước 20 tuổi báo hiếu mẹ, sau 20 tuổi báo hiếu cha), là một tục lệ bất thành văn mà mọi trẻ em nam trong độ tuổi (trước đây từ 6-7 tuổi) đều phải vào chùa tu tập một thời gian (ít nhất là 3 năm). Đó là môi trường vừa học đạo vừa rèn luyện tu dưỡng bản thân, hình thành nhân cách, học văn hóa (học tiếng Khmer và chữ Pali-Nam Phạn để học kinh điển Phật giáo Nam tông), học nghề, kinh nghiệm sống do các sư sãi hay các Achar truyền dạy. Bởi vậy trước đây, người Khmer luôn khuyến khích con em vào chùa tu học. Người nào không tu học trong chùa sẽ bị cộng đồng phum, sóc dị nghị, bị coi là người chưa trưởng thành.

Tuy nhiên, quan niệm đó ngày nay đã có sự thay đổi cả về nội dung lẫn hình thức tu tập. Trước hết, đa số thanh, thiếu niên Khmer hiện

nay không còn giữ được tập tục vào chùa tu học. Điều này thể hiện rõ số lượng sư sãi trong các chùa ngày càng giảm mạnh. Năm 1975, bình quân mỗi chùa có 29 sư sãi; đến năm 1992, giảm xuống chỉ còn 16 sư/chùa. Năm 2000, số sư sãi tăng lên, bình quân 19,5 sư/chùa; năm 2018 bình quân mỗi chùa có 18,3 sư sãi và 2021, bình quân chỉ có 15,19 sư/chùa. Tại tỉnh Sóc Trăng, bình quân hiện có 20,6 sư/chùa; tỉnh Trà Vinh 28,34 sư/chùa; tỉnh An Giang 10,75 sư/chùa; tỉnh Kiên Giang 11 sư sãi/chùa⁸,... Tại tỉnh Kiên Giang, trước đây nhiều chùa có vài trăm sư sãi⁹, nhưng hiện nay còn rất ít, thậm chí có chùa chỉ có 1 sư trụ trì, như chùa Kê Một (huyện Vĩnh Thuận)¹⁰. Đây là hiện tượng chưa từng diễn ra đối với các chùa Khmer ở Kiên Giang nói riêng, trên địa bàn các tỉnh Tây Nam Bộ nói chung. Có tình trạng trên là do trẻ em người Khmer không vào chùa tu như trước đây. Qua thống kê 2.000 tăng sinh của Ban Tôn giáo Chính phủ vào năm 2019 cho thấy, tỷ lệ vào chùa tu học chỉ có 7,8% giới trẻ dưới 18 tuổi, 87,4% từ 18 đến 30 tuổi và 4,8% trên 30 tuổi¹¹. Như vậy, số trẻ em nam người Khmer vào chùa tu theo truyền thống có rất ít. Đa số các tăng sinh dưới 18 tuổi là con nhà nghèo hoặc trẻ em không nơi nương tựa, vào chùa tu tập làm chôn nương thân.

Sự thay đổi về hình thức tu tập. Về thời gian tu tập, thay vì phải vào chùa tu tập ba năm hoặc ít nhất một năm, thì giờ đây nam giới người Khmer chỉ vào chùa tu một ngày hay một tuần, thậm chí nhiều thanh thiếu niên bỏ không vào chùa tu tập. Sau này khi có điều kiện, họ có thể vào chùa tu trả lễ.

Tu trả lễ là hình thức đi tu tập mới và được giáo hội chấp nhận, đã trở nên phổ biến ở vùng Tây Nam Bộ. Hình thức tu tập này dành cho những người khi còn trẻ (dưới 20 tuổi) không có điều kiện vào chùa tu học báo hiếu cha mẹ theo truyền thống, khi có điều kiện vào chùa tu “trả lễ”. Ngoài ra, những người bị bệnh tật hay gặp tai nạn khi khỏi bệnh cũng có thể vào chùa tu trả lễ. Người tu trả lễ có thể vào chùa tu một ngày (theo kiểu tu bát quan trai, một ngày an lạc của Phật giáo Bắc tông), hoặc tu một tuần, thường vào dịp lễ Chôl Chnăm Thmây, hoặc lễ cầu an tại phum, sóc. Hình thức tu trả lễ này buộc người tu phải hoàn tục.

Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng trẻ em người Khmer bỏ tu học theo truyền thống, trước hết là do điều kiện kinh tế-xã hội, đời sống, trình độ dân trí của người Khmer ngày nay đã có nhiều thay đổi, mở ra nhiều cơ hội cho thanh niên lựa chọn hơn, họ quan tâm nhiều hơn đến đời sống kinh tế, đến sự nghiệp của bản thân hơn đến đời sống tôn giáo. Hơn nữa, vai trò của ngôi chùa và đội ngũ sư sãi Khmer đã suy giảm, không còn là nơi độc quyền cung cấp tri thức như trước đây, hệ thống giáo dục phổ thông đã thay thế trường chùa trong việc trang bị kiến thức, trình độ dân trí cho người Khmer. Nhìn chung, đời sống tu hành không còn sức “hấp dẫn” đối với đa số thanh niên người Khmer nữa.

Về nguyên nhân thanh, thiếu niên người Khmer bỏ lối tu truyền thống, một nhà sư Nam tông Khmer lý giải như sau: “tâm lý thanh niên Khmer hiện nay muốn được tham gia rộng hơn vào thành quả do tiến bộ xã hội đem lại. Họ muốn được ra ngoài phum sóc học tập, tiếp cận khoa học kỹ thuật, nếp sống hiện đại. Mặt khác, cùng sống chung với thanh niên Việt, Hoa, nên thanh niên Khmer không muốn vì việc tu mà chịu chậm cơ hội tiến bộ, học hành... Vì vậy, với lớp trẻ Khmer, một số vì giữ gìn tập tục truyền thống nên đã vào chùa tu một thời gian ngắn, ít người ở chùa hơn một năm. Một số thanh niên Khmer lại không vào chùa tu mà tìm kiếm cơ hội để thoát ly khỏi phum sóc, tiếp cận với cuộc sống bên ngoài. Nhiều gia đình Khmer ở Tây Nam Bộ đã rời bỏ phum sóc để đi nơi khác sinh sống hoặc định cư ở nước ngoài. Điều này thể hiện rõ điều kiện kinh tế nơi họ sinh sống không đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt, nên họ quyết định rời bỏ cái nôi mình sinh ra, rời bỏ văn hóa bản sắc lâu đời để mưu sinh với cuộc sống¹².

2.2. Sự chuyển biến về đội ngũ sư sãi và cách thức tu hành

Trước hết, sự thiếu hụt đội ngũ sư sãi dẫn đến tình trạng trẻ hóa sư trụ trì chùa diễn ra phổ biến. Số lượng sư sãi suy giảm, tình trạng trẻ hóa diễn ra nhanh do bị đứt gãy, thiếu người tu tập. Từ sau năm 1975, đội ngũ sư sãi Nam tông Khmer có xu hướng giảm mạnh. Năm 1975, số sư sãi theo Phật giáo Nam tông Khmer ở Nam Bộ có 12.151 người, năm 1985, giảm xuống còn 8.246 người. Đặc biệt, đến năm 1992 giảm xuống chỉ còn 4.012 người¹³. Từ năm 2000 đến nay, số lượng sư sãi người

Khmer tiếp tục giảm mạnh, ngược lại, đội ngũ tăng, ni của phái Bắc tông và Khất sĩ lại tăng rất mạnh¹⁴. Năm 2000 cả nước có 8.719 sư sãi người Khmer. Đến năm 2012 giảm xuống còn 8.574 người. Năm 2018, giảm còn 8.260 người, có mặt tại 19 tỉnh, thành phố trong cả nước¹⁵. Tính đến tháng 6/2021, tổng số sư sãi Phật giáo Nam tông Khmer có 7.036 người¹⁶, giảm 1.224 sư sãi, tức là giảm 14,81% so với năm 2018.

Thông kê sư sãi Phật giáo Nam tông Khmer qua các năm¹⁷

Năm	Nam tông Khmer		Nam tông Kinh		Khất sĩ		Bắc Tông		Tổng số
	Sư sãi	Tỷ lệ %	Sư sãi	Tỷ lệ %	Sư sãi	Tỷ lệ %	Sư sãi	Tỷ lệ %	
1972	16.620								
1975	12.151						10.802		
1985	8.246	55,00							15.000
1992	4.016	25,45			245	1,55	11.516	73,00	15.777
1997	7.687	26,70			1.870	6,50	19.221	66,76	28.787
2002	9.976	27,32			2.354	6,44	21.606	59,70	36.512
2007	8.919	20,04	345	0,77	2.954	6,63	32.625	73,31	44.498
2012	8.574	18,36	805	1,72	3.285	7,03	34.062	72,93	46.699
2017	8.574	15,89	1.754	3,25	4.984	9,23	38.629	71,61	53.941
2021	7.036	12,98	1.754	3,23	5.284	9,75	40.095	74,01	54.169

Hơn nữa, số sư sãi xuất gia tu hành suốt đời chiếm tỷ lệ thấp và số người xuất gia hàng năm không nhiều. Năm 2014, sư sãi Phật giáo Nam tông Khmer có 8.574 người, trong đó có 1.643 người được cấp chứng nhận tu sĩ, 216 người cấp chứng nhận thọ giới. Sau 4 năm, đến năm 2018, chỉ có thêm 56 người được giấy chứng nhận tu sĩ, nâng lên tổng số 1.699 tu sĩ và 217 người có giấy chứng nhận thọ giới¹⁸. Trong 6 tháng đầu năm 2021, cũng chỉ có 12 sư sãi Phật giáo Nam tông Khmer được chứng nhận tu sĩ, trong khi có tới 456 người phái Bắc tông và Khất sĩ được cấp chứng nhận tăng, ni¹⁹.

Số lượng sư sãi Khmer giảm ngoài thiếu nguồn cung (tu báo hiệu), còn do nhiều nguyên nhân khác, như vai trò của sư sãi giảm sút đối với người Khmer. Trước đây, sư sãi hầu như là người độc quyền cung cấp, truyền thụ cho người dân Phật pháp, tri thức, chuẩn mực đạo đức, lối sống đến nghề nghiệp, thì giờ đây, đã bị các lực lượng xã hội khác thay thế, vai trò của các sư sãi chỉ còn lại trên phương diện tôn giáo. Nhưng ngay cả trong lĩnh vực tôn giáo, đội ngũ sư sãi cũng còn nhiều

điêm yếu, phần lớn họ còn trẻ, trình độ Phật pháp hạn chế, kinh nghiệm sống không nhiều, nên uy tín đối với tín đồ không cao. Ngoài ra, còn do tình trạng di cư và chuyển sang theo tôn giáo khác.

Số lượng sư sãi giảm dần đến tình trạng thiếu và trẻ hóa các trụ trì chùa. Do bị đứt gãy, một thời gian dài không được đào tạo, ít người tu tập, nên số tăng sĩ Khmer nhiều tuổi giảm dần, một số chùa không có trụ trì buộc phải điều tăng sĩ Khmer từ nơi khác đến. Sự trẻ hóa đội ngũ tăng sĩ tạo ra được tính năng động, có nhiều điều kiện và dễ tiếp xúc với các thành tựu khoa học kỹ thuật, nhạy bén với những cái mới phù hợp với xã hội hiện đại. Nhưng do thiếu kinh nghiệm, vốn sống, trình độ Phật pháp chưa cao cũng làm giảm vai trò của sư sãi đối với Phật tử người Khmer. Hơn nữa, sự thiếu đội ngũ sư sãi cũng hạn chế đến việc tu luyện, học hành nâng cao trình độ Phật pháp, thế học của họ, vì phải dành nhiều thời gian, công sức phục vụ tín đồ với số lượng đông đảo. Trình độ thế học và Phật học của đội ngũ sư sãi Nam tông Khmer đã nâng lên đáng kể, song nhìn chung còn thấp hơn so với mặt bằng trung trong giáo hội Phật giáo Việt Nam²⁰ hiện nay.

Xuất hiện các tu nữ-một hình thức tu tập mới của Phật giáo Nam tông Khmer. Trong thời gian gần đây đã xuất hiện hiện tượng mới, đó là việc nhiều phụ nữ người Khmer xuất gia tu hành²¹. Tình trạng này đã được Giáo hội thừa nhận. Nội quy của Ban Tăng sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2018), quy định: “Tu nữ Phật giáo Nam tông Kinh, Nam tông Khmer là những người nữ Phật tử xuất gia, tu học theo truyền thống của Phật giáo Nam tông và không phải là tỳ kheo ni” (Điều 15)²². Dù hiện tượng này mới xuất hiện và theo giới luật, họ chỉ dừng lại ở bậc Sa di ni (giữ 10 giới)²³, nhưng đối với Phật giáo Nam tông Khmer, đây là một hướng đi mới mẻ, mở ra cơ hội cho nữ giới người Khmer có điều kiện xuất gia tu hành, phá vỡ độc quyền của nam giới trong hệ phái này.

Những chuyển biến trong lối tu hành truyền thống, xuất hiện lối khát thực mới của sư sãi Nam tông Khmer. Đối với hệ phái Nam tông (cả Khất sĩ), khát thực là một pháp môn, một phương tiện của người tu hành, nó trở thành một truyền thống của tu sĩ Phật giáo Nam tông Khmer. Trước đây, các sư đang tu học hàng ngày đi khát thực quanh

phum, sóc từ sáng sớm đến trước giờ Ngọ giữa trưa. Tuy nhiên, lối sống tu hành truyền thống này đang có sự thay đổi, chuyển biến, xuất hiện hình thức mới hoặc có nơi mất hẳn. Hiện tượng này xuất hiện cùng với sự ra đời của trường Bồ tát văn hóa Pali trung cấp Nam Bộ (Sóc Trăng), năm 1994. Các tăng sinh trong trường không đi khát thực hàng ngày nữa, họ có chế độ riêng do Nhà nước chu cấp. Còn ở nhiều nơi, nhất là ở thành phố, các sư sãi đã bỏ hẳn khát thực, nhà chùa tự túc lương thực hoặc hàng ngày nhận thức ăn từ các wen²⁴ mang về chùa, chia đều cho mọi người. Một số địa phương vùng Tây Nam Bộ các sư sãi vẫn duy trì khát thực, tuy không nhiều, và họ có thể nhận cả tiền (trước kia điều này bị cấm).

2.3. Tình trạng chuyển đổi tôn giáo của một bộ phận người Khmer ở Tây Nam Bộ

Phật giáo Nam tông Khmer là tôn giáo truyền thống của đồng bào dân tộc Khmer, trở thành yếu tố cốt lõi của nền văn hóa dân tộc Khmer, tuyệt đại đa số người Khmer là tín đồ của Phật giáo Nam tông. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân, nhất là thời gian gần đây đã có một bộ phận người Khmer chuyển sang theo các tôn giáo khác, như: Phật giáo Bắc Tông, Khất sĩ, Công giáo, Tin Lành,...

Theo số liệu của Ban Dân vận Trung ương, tính đến thời điểm cuối năm 2005, toàn vùng Tây Nam Bộ có gần 1.000 người Khmer đổi sang theo đạo Tin Lành và Công giáo (chủ yếu là đạo Tin Lành)²⁵. Đến năm 2009, Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ cho biết, toàn vùng có 3.064 người Khmer theo đạo Tin Lành và Công giáo (Công giáo 1.448 người, Tin Lành 1.616 người), trong đó có 02 mục sư, 04 truyền đạo và 27 chấp sự là người Khmer²⁶. Theo Ủy ban Dân tộc, tính đến năm 2017, ở Tây Nam Bộ có 4.433 người Khmer theo các tôn giáo khác, Tin Lành 2.153 người, Công giáo 2.186 người, Cao Đài 78 người, Baha'i 34 người²⁷. Tuy nhiên, số liệu trên chưa bao gồm số người Khmer theo Phật giáo Bắc tông và Khất sĩ. Tại tỉnh Kiên Giang, tính đến thời điểm năm 2017, đã có 18.924 người Khmer theo các tôn giáo khác, Phật giáo Bắc tông và Khất sĩ: 17.810 người, Tin Lành: 562 người, Công giáo: 422 người, đạo Cao Đài: 54 người, Tịnh độ Cư sĩ Phật hội: 43 người, Phật giáo Hòa Hảo: 33 người²⁸. Tính đến ngày

1/4/2019, có 7.418 người Khmer theo các tôn giáo khác (Công giáo 4.463 người, Tin Lành 1.362 người, Phật giáo Hòa Hảo 711 người, Cao Đài 645 người, Hồi giáo (Islam) 109 người, Minh Sư đạo 54 người, Balamôn 34 người, Baha'i 15 người, Tứ ân Hiếu Nghĩa 12 người, Cơ đốc Phục Lâm 6 người, Tịnh độ Cư sỹ 4 người, Marmon 3 người, Bửu Sơn Kỳ hương 2 người, Minh Lý đạo 1 người và Phật giáo nghĩa Tà Lon 1 người)²⁹. Sự xuất hiện các tôn giáo nêu trên đã hình thành các cộng đồng tôn giáo-tộc người (Khmer) mới ở một số tỉnh miền Tây Nam Bộ, như cộng đồng Phật giáo Bắc tông Khmer, Công giáo Khmer, Tin Lành Khmer.

Đối với Công giáo, theo thống kê của Giáo hội, năm 2015 Giáo phận Cần Thơ³⁰ có 2.887 giáo dân người Khmer, 341 giáo dân người Hoa³¹. Hiện nay, cộng đồng người Khmer theo Công giáo ở tỉnh Sóc Trăng có 3.480 tín đồ, sinh hoạt tập trung tại ba giáo xứ: Giáo xứ Trung Bình, huyện Trần Đề (993/1.800 giáo dân là người Khmer), giáo xứ Đại Tâm, huyện Châu Thành (1.260 tín đồ người Khmer)³² và giáo xứ Việt kiều Thánh Giuse, khóm 5, phường 9, thành phố Sóc Trăng có 100 gia đình với 430 giáo dân³³. Hầu hết những người Khmer theo Công giáo ở Sóc Trăng là người Khmer lai người Hoa hoặc người Việt, nhiều người trong số họ không biết nói tiếng Khmer. Cộng đồng người Khmer theo Công giáo ở Trà Vinh có 120 tín đồ ở họ đạo Hòa Lạc, ấp Hòa Lạc, huyện Châu Thành, cũng chủ yếu là người Khmer lai người Việt, người Hoa. Nhìn chung, các cộng đồng người Khmer theo Công giáo xuất hiện từ lâu và khá ổn định. Công giáo đã hội nhập vào nền văn hóa Khmer, Việt, Hoa, nhất là trên phương diện kiến trúc, âm nhạc.

Đối với đạo Tin Lành, năm 2015 có 2.195 tín đồ người Khmer ở 9/13 tỉnh, thành phố trong khu vực³⁴. Đến năm 2019, tăng lên 2.253 người, như: tỉnh Kiên Giang: 885 người; tỉnh Sóc Trăng: 675 tín đồ; tỉnh Trà Vinh: 339 tín đồ, tỉnh Bạc Liêu: 316 tín đồ, Cà Mau: 173 tín đồ, Hậu Giang: 158 tín đồ, thành phố Cần Thơ: 118 tín đồ, Vĩnh Long: 20 tín đồ Tin lành người Khmer³⁵. Đạo Tin Lành mặc dù du nhập vào người Khmer sau, số lượng tín đồ ít hơn Công giáo, song đã có chức sắc người Khmer. Điều đó chứng tỏ rằng, đạo Tin Lành rất

quan tâm đến việc đào tạo giáo sĩ người tại chỗ làm nòng cốt cho lực lượng truyền giáo.

Việc một bộ phận người Khmer chuyển đạo, ngoài nguyên nhân do hoạt động truyền giáo, được hỗ trợ về vật chất, tinh thần, do sự hạn chế của Phật giáo Nam tông, còn có nguyên nhân từ chính người Khmer. Phần lớn những người Khmer chuyển đạo, đổi đạo sang tôn giáo mới, là những người Khmer lai, nên ‘căn tính’ tộc người Khmer mờ nhạt, do đó họ dễ dàng chuyển đạo, đổi đạo hơn như những người Khmer gốc. Cũng có một bộ phận là người Khmer nghèo khó, ít hoặc không có cơ hội (trình độ thấp, không nghề nghiệp, không có tư liệu sản xuất, phải đi làm thuê kiếm sống) hội nhập với cộng đồng, không có điều kiện tham gia sinh hoạt chung (lễ chùa) với cộng đồng dân cư trong phum, sóc nên dần dần rời xa và ít ràng buộc với cộng đồng, do đó họ dễ bỏ đạo.

Tình trạng người Khmer chuyển đạo, đổi đạo dù số lượng không nhiều, cũng chưa gây ra xung đột lớn như ở Tây Nguyên, Tây Bắc, nhưng cũng cho thấy Phật giáo Nam tông Khmer không còn cố kết bền chặt, thuần nhất nữa. Sự hình thành các cộng đồng tôn giáo người Khmer mới này bên cạnh các cộng đồng người Khmer truyền thống rất dễ có thể nảy sinh những bất đồng, mâu thuẫn đến xung đột mang tính xã hội, làm mất an ninh trật tự xã hội cần được quan tâm.

Ngoài những chuyển biến trên, Phật giáo Nam tông Khmer hiện nay đã có nhiều thay đổi. Trước hết, sau 40 năm trong ngôi nhà chung của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Phật giáo Nam tông Khmer đã thực sự hội nhập, có chỗ đứng riêng theo truyền thống biệt truyền của hệ phái và khẳng định được vị thế của mình trong Giáo hội (đội ngũ sư sãi tham gia ngày càng nhiều và giữ chức vụ quan trọng trong Giáo hội từ trung ương đến cơ sở; hình thành tổ chức: phân ban, phân viện, tiểu ban), chuyên trách hệ phái trong giáo hội Phật giáo Việt Nam; công tác đào tạo tăng tài đã hình thành hệ thống giáo dục hoàn thiện (sơ cấp, trung cấp, cao đẳng, đại học Phật giáo Nam tông Khmer); đội ngũ sư sãi tích cực tham gia công tác xã hội, nhất là hoạt động từ thiện nhân đạo, khác hẳn trước đây. Hội Đoàn kết Sư sãi yêu nước được củng cố, phát triển, đa dạng hóa mô hình phù hợp với điều kiện của

từng địa phương, xác định được chức năng, nhiệm vụ của mình, thu hút ngày càng đông đảo không những tu sĩ mà cả Phật tử tham gia và được thực tế thừa nhận.

3. Một số nhận xét

Những chuyển biến, thay đổi của Phật giáo Nam tông Khmer ở Tây Nam Bộ nêu trên, ngoài những nguyên nhân khách quan, các nhân tố từ bên ngoài tác động, sự hỗ trợ của Nhà nước, Giáo hội, cơ bản vẫn do sự chuyển biến của Phật giáo Nam tông và người Khmer.

Trước hết, sự thay đổi hình thức trẻ em nam vào chùa tu tập theo truyền thống với thời gian kéo dài, bằng cách bỏ hoặc chuyển sang hình thức tu “trả lễ”, là một tín hiệu tích cực cho thấy người Khmer theo Phật giáo Nam tông dám lược bỏ hay thay đổi những tập tục truyền thống khi nó không còn phù hợp, thậm chí cản trở sự phát triển, để thích ứng, phù hợp với đà phát triển chung của thời đại. Việc chuyển sang hình thức tu “trả lễ” có thể xem như sự sáng tạo mới trong việc “tái tạo truyền thống” cần thiết, vừa giữ được nét truyền thống, nhưng đồng thời làm cho lối sống đạo trở nên đơn giản hơn, phù hợp với điều kiện thực của đời sống hiện đại.

Đội ngũ sư sãi ngày càng suy giảm về số lượng cho thấy vai trò của Phật giáo Nam tông đang có sự thay đổi trong đời sống người Khmer cũng như xu hướng phát triển chung của thời đại. Phật giáo vẫn sẽ giữ vai trò quan trọng trong đời sống tâm linh, tôn giáo và đời sống văn hóa, tinh thần, xã hội của người Khmer, song công năng xã hội của ngôi chùa và vai trò của tầng lớp sư sãi có nhiều thay đổi cho phù hợp với xã hội hiện đại. Ngoài chức năng vốn có là nơi sinh hoạt tôn giáo của cộng đồng, chùa Khmer sẽ là nơi sinh hoạt văn hóa cộng đồng, nơi lưu giữ, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, ngôn ngữ, chữ viết dân tộc, trong đó sư sãi là lực lượng nòng cốt, tiên phong trong lĩnh vực này. Sự trẻ hóa đội ngũ sư sãi có thể có những hạn chế về kinh nghiệm sống, trình độ chưa cao, gây ra những khó khăn nhất thời, song với tính nhanh nhạy, sáng tạo, nắm bắt tri thức khoa học, họ sẽ là nhân tố có tính quyết định đến sự phát triển của hệ phái và vai trò của Phật giáo Nam tông trong đời sống đồng bào Khmer.

Sự thay đổi, thậm chí là bỏ tục khắt thực của đội ngũ sư sãi là một tín hiệu có tính tích cực cho thấy Phật giáo Nam tông đang đổi mới mạnh mẽ lối sống đạo phù hợp với xã hội hiện đại. Hơn nữa, tục lệ này hiện nay đang bị một số người lợi dụng, biến tướng ảnh hưởng xấu đến các sư sãi. Sự xuất hiện tu nữ người Khmer và được Giáo hội thừa nhận cho thấy những thay đổi của Phật giáo Nam tông Khmer, mở ra cơ hội cho những phụ nữ có cơ duyên xuất gia tu hành.

Tuy nhiên, những chuyển biến, thay đổi của Phật giáo Nam tông Khmer cũng bộc lộ những yếu tố cần được quan tâm. Tình trạng một bộ phận người Khmer chuyên đạo theo tôn giáo khác là một vấn đề bình thường, cần được nhìn nhận khách quan, nhưng cần quan tâm không để xảy ra mâu thuẫn giữa các cộng đồng tôn giáo khi sống cạnh nhau.

Đời sống đồng bào dân tộc Khmer, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo còn nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo còn ở mức cao. Mặt khác, do vẫn còn chịu sự chi phối bởi giáo lý của Phật giáo Nam tông, tư tưởng thụ động, trông chờ, ỷ lại của một bộ phận người Khmer đã trở thành vật cản trên con đường phát triển. Tỷ lệ tín đồ Phật giáo Nam tông Khmer mù chữ và tái mù khá cao, trình độ dân trí thấp. Vẫn còn một bộ phận nhỏ sư sãi, Phật tử Nam tông Khmer chưa nhận thức đúng về vùng đất Nam Bộ, về chủ quyền quốc gia, các thế lực thù địch vẫn tìm cách lợi dụng vấn đề tôn giáo, dân tộc, khơi lại các vấn đề lịch sử, lôi kéo, kích động tín đồ, chức sắc người Khmer chống phá cách mạng, cần nêu cao tinh thần cảnh giác.

Để hạn chế mặt tiêu cực, phát huy mặt tích cực của Phật giáo Nam tông Khmer, trước hết, cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về lịch sử vùng đất, dân tộc Khmer ở Tây Nam Bộ, nhận diện các thế lực thù địch lợi dụng, xuyên tạc để chống phá nước ta. Mặt khác, cần tăng cường đầu tư phát triển kinh tế-xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, có cơ chế, chính sách nhằm phát huy các nguồn lực của Phật giáo Nam tông cho sự phát triển đất nước; làm tốt chính sách dân tộc với chính sách tôn giáo vùng đồng bào Khmer theo Phật giáo Nam tông./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Ban Tôn giáo Chính phủ, *Khảo sát thực trạng vấn đề tu học của tăng sinh Phật giáo Nam tông Khmer-kiến nghị về chủ trương và giải pháp*, Dự án cấp Bộ, Hà Nội, 2021.
- 2 Tổng cục Thống kê, *Kết quả toàn bộ tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009*, Nxb. Thống kê, Hà Nội 2009.
- 3 Tổng cục Thống kê, *Kết quả toàn bộ tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009*, Nxb. Thống kê, Hà Nội 2009, tr. 134.
- 4 Tổng cục Thống kê, *Kết quả toàn bộ tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*, Nxb. Thống kê Hà Nội 2020.
- 5 Đảng đoàn Ủy ban Dân tộc, *Báo cáo tổng kết 25 năm thực hiện Chỉ thị 68-CT/TW, ngày 18/4/1991 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VI) về công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer*, số 108-BC/BCSD ngày 28/5/2017, tr. 1.
- 6 Nguồn: Đảng đoàn Ủy ban Dân tộc, *Báo cáo tổng kết 25 năm thực hiện Chỉ thị 68-CT/TW, ngày 18/4/1991 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VI) về công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer*, số 108-BC/BCSD ngày 28/5/2017; *Điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2019 và Điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế-xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019*; Ban Tôn giáo Chính phủ, *Khảo sát thực trạng vấn đề tu học của tăng sinh Phật giáo Nam tông Khmer-kiến nghị về chủ trương và giải pháp*, Dự án cấp Bộ, Hà Nội, 2021
- 7 Trần Hữu Hợp (2017), “Cải đạo của một bộ phận người Khmer vùng Tây Nam Bộ”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 3&4, tr. 99.
- 8 Ban Tôn giáo Chính phủ, *Khảo sát thực trạng vấn đề tu học của tăng sinh Phật giáo Nam tông Khmer - Kiến nghị về chủ trương và giải pháp*, Đề án cấp Bộ năm 2021, tr. 56.
- 9 Như chùa Sóc Xoài (huyện Hòn Đất), chùa Thủy Liễu (huyện Gò Quao) hơn 200 sư; chùa Đường Xuồng Mới 170 người, chùa Cù Là Mới (huyện Châu Thành) trên 150 người.
- 10 Danh Lâm, *Phật giáo Nam tông Khmer ở Kiên Giang - Những biến đổi trong đời sống hiện nay*, Kỷ yếu tọa đàm khoa học, *Việt Nam và Thái Lan những vấn đề văn hóa xã hội*, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2020, tr. 130, 133.
- 11 Ban Tôn giáo Chính phủ, *Khảo sát thực trạng vấn đề tu học của tăng sinh Phật giáo Nam tông Khmer-Kiến nghị về chủ trương và giải pháp*, Đề án cấp Bộ năm 2021, tr. 56.
- 12 Lý Hùng (2020), *Vai trò của tu sĩ Phật giáo Nam tông Khmer trong đời sống xã hội của người Kmer ở Tây Nam Bộ hiện nay*, Luận án tiến sĩ tôn giáo học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, tr. 124.

- 13 Nguyễn Mạnh Cường (2008), *Phật giáo Khơ me Nam Bộ (những vấn đề nhìn lại)*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr. 238.
- 14 Năm 2002, tăng, ni của phái Bắc tông có 21.606 người, Khất sĩ 2.354 người, nhưng đến năm 2021, tăng, ni Bắc tông tăng lên 40.095 người (gấp gần 2 lần), Khất sĩ tăng lên 5.284 người gấp hơn 2 lần. Trong khi sư sãi Nam tông Khmer đã giảm 30%.
- 15 Ban Tôn giáo Chính phủ, *Khảo sát thực trạng vấn đề tu học của tăng sinh Phật giáo Nam tông Khmer – kiến nghị về chủ trương và giải pháp*, Dự án cấp Bộ, Hà Nội, 2021, tr. 55.
- 16 Hội đồng Trị sự, *Báo cáo sơ kết công tác Phật sự 6 tháng đầu năm 2021 của Giáo hội Phật giáo Việt Nam*, Phật sự Online, <https://phatsuoonline.com ›bao-ca-so-ket-cong-tac-pha...15/7/2021>
- 17 Nguồn: Nguyễn Đại Đồng (2012, *Phật giáo Việt Nam từ khởi thủy đến năm 1981*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr. 403, 412 (năm 1975, số tăng, ni của Hội Phật giáo thống nhất Việt Nam 5.000 và Thành phố Hồ Chí Minh 5.82 người; số liệu tổng hợp từ Giáo hội Phật giáo Việt Nam, *Báo cáo tổng kết tại đại hội đại biểu Phật giáo Việt Nam lần thứ III (1992), IV (1997), V (2002), VI (2007), VII (2012), VIII (2017)*; *Báo cáo công tác Phật sự 6 tháng đầu năm 2021*, ngày 15/7/2021; Nguyễn Mạnh Cường, *Phật giáo Khmer Nam Bộ (những vấn đề nhìn lại)*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2008.
- 18 Hội đồng Trị sự, *Báo cáo tổng kết hội nghị chuyên đề Phật giáo Nam tông Khmer lần thứ VI (2014), lần thứ VIII (2018)*.
- 19 Hội đồng Trị sự, *Báo cáo sơ kết công tác Phật sự 6 tháng đầu năm 2021 của Giáo hội Phật giáo Việt Nam*, Phật sự Online, <https://phatsuoonline.com ›bao-ca-so-ket-cong-tac-pha...15/7/2021>.
- 20 Theo khảo sát của Ban Tôn giáo Chính phủ năm 2019 với 300 sư sãi người Khmer cho thấy, có 219 người, chiếm 73% có trình độ văn hóa 12/12 (10/10); 54 người, chiếm 18% có trình độ đại học; 14 người, chiếm 4,6% có trình độ thạc sĩ; 03 người, chiếm 1% có trình độ tiến sĩ. Về trình độ Phật học, thông kê ở 2.000 sư sãi cho thấy, 34% có trình độ sơ cấp Phật học; 42% có trình độ Trung cấp Phật học; 14% có trình độ cao đẳng Phật học và 10% có trình độ đại học Phật học. Xem: Ban Tôn giáo Chính phủ, *Khảo sát thực trạng vấn đề tu học của tăng sinh Phật giáo Nam tông Khmer-Kiến nghị về chủ trương và giải pháp*, Đề án cấp Bộ năm 2021, tr. 56.
- 21 Theo Thượng tọa Lý Hùng (người Khmer), Ủy viên Hội đồng Trị sự, Phó Trưởng ban Pháp chế Trung ương GHPGVN, Phó Trưởng Ban Trị sự GHPGVN thành phố Cần Thơ cho biết, hiện nay ở một số địa phương như Kiên Giang, Trà Vinh, có một số tu nữ người Khmer tu tập, nương tựa tại chùa Khmer.

- 22 Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, *Nội quy Ban Tăng sự Trung ương khóa VIII, nhiệm kỳ (2017-2022)*, ngày 18/9/2018.
- 23 Tuy nhiên, các tu nữ người Khmer chỉ dừng lại ở bậc Sa di ni (giữ 10 giới), mang trang phục màu trắng.
- 24 Wen là đơn vị gồm nhiều hộ Khmer theo Phật giáo trong một khu vực dân cư (khu phố hay thôn ấp), mỗi hộ có nghĩa vụ dâng cơm cho các sư sãi một ngày, luân phiên nhau.
- 25 Ban Dân vận Trung ương: *Báo cáo tổng kết Chi thị số 68-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VI) về công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer*, số 03 ngày 11/10/2006.
- 26 Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ: *Báo cáo kết quả thực hiện Chi thị 68 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VI) và Kết luận 67 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VI) về công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer*, ngày 19-3-2009, tr.9.
- 27 Ban Cán sự Đảng ủy ban Dân tộc (26/5/2017), *Báo cáo tổng kết 25 năm thực hiện Chi thị số 68-NQ/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IV) về công tác ở vùng đồng bào Khmer*, số 108, Hà Nội, tr. 14.
- 28 Ban Tôn giáo tỉnh Kiên Giang, *Báo cáo tổng hợp thực trạng tôn giáo trên địa bàn tỉnh Kiên Giang*, số 30-/BC-BTG ngày 19/7/2017, tr.7.
- 29 Ủy ban Dân tộc, *Kết quả điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế-xã hội 53 dân tộc thiểu số năm 2019*, tr.296.
- 30 Địa giới hành chính của Giáo phận Cần Thơ.
- 31 Hội đồng Giám mục Việt Nam (2016), *Giáo hội Công giáo Việt Nam, niên giám 2016*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr. 898.
- 32 Giáo xứ này ban đầu chỉ có 150 giáo dân người Khmer. Từ khi Linh mục Tổng Văn Năm về làm chính xứ (1994), ông đã đặt trọng tâm truyền đạo cho người Khmer. Là người thông thạo tiếng Khmer, Linh mục Năm đi đến các vùng người Khmer nghèo làm từ thiện, như làm cây nước sạch, giúp họ sửa nhà, trồng lúa, nuôi heo, xin việc cho thanh niên vào các nhà máy, xí nghiệp. Ông tổ chức được 14 khóa học dành cho tân tông và có 1.100 người đã theo đạo, nâng số giáo dân ở giáo xứ lên 1.260 người.
- 33 Đinh Quý, “Những cộng đồng giáo hữu Khmer Sóc Trăng”, *Báo Công giáo và dân tộc*, số 2004, tuần từ 1-7/5/2015, tr. 27-28.
- 34 Trần Hữu Hợp (2017), “Cải đạo của một bộ phận người Khmer vùng Tây Nam Bộ”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 3&4, tr. 103.
- 35 Ban Tôn giáo Chính phủ, *Bảng tổng hợp thực trạng đạo Tin Lành ở Việt Nam đến tháng 11/2019*.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Cán sự Đảng ủy ban Dân tộc (26/5/2017), *Báo cáo tổng kết 25 năm thực hiện Chỉ thị số 68-NQ/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IV) về công tác ở vùng đồng bào Khmer*, số 108, Hà Nội.
2. Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ: *Báo cáo kết quả thực hiện Chỉ thị 68 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VI) và Kết luận 67 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VI) về công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer*, ngày 19/3/2009.
3. Ban Dân vận Trung ương: *Báo cáo tổng kết Chỉ thị số 68-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VI) về công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer*, số 03 ngày 11/10/2006.
4. Ban Tôn giáo Chính phủ, *Bảng tổng hợp thực trạng đạo Tin Lành ở Việt Nam đến tháng 11/2019*.
5. Ban Tôn giáo Chính phủ, *Khảo sát thực trạng vấn đề tu học của tăng sinh Phật giáo Nam tông Khmer-kiến nghị về chủ trương và giải pháp*, Dự án cấp Bộ, Hà Nội, 2021.
6. Ban Tôn giáo tỉnh Kiên Giang, *Báo cáo tổng hợp thực trạng tôn giáo trên địa bàn tỉnh Kiên Giang*, số 30-/BC-BTG ngày 19/7/2017.
7. Nguyễn Mạnh Cường (2008), *Phật giáo Khơ me Nam Bộ (những vấn đề nhìn lại)*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
8. Đảng đoàn Ủy ban Dân tộc, *Báo cáo tổng kết 25 năm thực hiện Chỉ thị 68-CT/TW, ngày 18/4/1991 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VI) về công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer*, số 108-BC/BCSD ngày 28/5/2017.
9. Nguyễn Đại Đồng (2012), *Phật giáo Việt Nam từ khởi thủy đến năm 1981*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
10. Hội đồng Giám mục Việt Nam (2016), *Giáo hội Công giáo Việt Nam, niên giám 2016*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
11. Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, *Nội quy Ban Tăng sự Trung ương khóa VIII, nhiệm kỳ (2017-2022)*, ngày 18/9/2018.
12. Hội đồng Trị sự, *Báo cáo sơ kết công tác Phật sự 6 tháng đầu năm 2021 của Giáo hội Phật giáo Việt Nam*, Phật sự Online, <https://phatsuoonline.com ›bao-ca-so-ket-cong-tac-pha...15/7/2021>.
13. Trần Hữu Hợp (2017), “Cải đạo của một bộ phận người Khmer vùng Tây Nam Bộ”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 3&4.
14. Danh Lâm, *Phật giáo Nam tông Khmer ở Kiên Giang - Những biến đổi trong đời sống hiện nay*, Kỷ yếu tọa đàm khoa học, Việt Nam và Thái Lan những vấn đề văn hóa xã hội, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2020.
15. Đinh Quý, “Những cộng đồng giáo hữu Khmer Sóc Trăng”, *Báo Công giáo và dân tộc*, số 2004, tuần từ 1-7/5/2015.
16. Ủy ban Dân tộc, *Kết quả điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế-xã hội 53 dân tộc thiểu số năm 2019*.

Abstract

**TRANSFORMATIONS OF THERAVADA BUDDHISM
OF THE KHMER IN THE SOUTHWEST OF VIETNAM
AT PRESENT**

Nguyen Phu Loi

*Institute of Religions and Beliefs,
Ho Chi Minh National Academy of Politics*

The majority of Khmer people in Vietnam follow Theravada Buddhism. They mainly live in the southern provinces. Theravada Buddhism is closely associated with the Khmer people, and become the religion of the Khmer people in Southern Vietnam. However, since entering the period of national renewal (1986) up to the present day, the changes in socio-economic life, shifting to the market economy, the impact of globalization, the science and technology revolution, as well as, the renewed religious policy of the Party and State, Theravada Buddhism of the Khmer is undergoing a rapid change, taking place in many aspects such as the practices, dignitaries, conversions, and the status, role of this denomination in the Vietnam Buddhist Sangha. This article presents the transformation in traditional religious activities, dignitaries, monks, and conversion of a part of the Khmer people following Theravada Buddhism in the southwestern provinces in recent years.

Keywords: Transformation; Theravada; Khmer; Southwest.